

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2023

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CD, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CD, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1991, ông và bà Nguyễn Thị D tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn được. Ông và bà Nguyễn Thị D đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2021. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa ông và bà Nguyễn Thị D không thể sống chung với nhau được. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Kiều D (giới tính nữ), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992; Nguyễn Hoàng K (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1994 và Nguyễn Hoàng L (giới tính nam), sinh

ngày 15/5/1999. Hiện cả ba người con đều đã trưởng thành ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị D vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Nguyễn Chí T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Nguyễn Chí T với bà Nguyễn Thị D được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị D là bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Chí T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chí T.

Bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T với bà Nguyễn Thị D sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Nguyễn Chí T xác định quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Nguyễn Chí T được ly hôn bà Nguyễn Thị D. Đối với bà Nguyễn Thị D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị D vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí T nên bà Nguyễn Thị D tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị D sống chung với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị D đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị D không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị D không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Chí T với bà Nguyễn Thị D có 03 người con chung tên là Nguyễn Kiều D (giới tính nữ), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992; Nguyễn Hoàng K (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1994 và Nguyễn Hoàng L (giới

tính nam), sinh ngày 15/5/1999. Hiện cả ba người con chung đều đã trưởng thành, ông Nguyễn Chí T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Chí T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Chí T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 212, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Nguyễn Chí T phải chịu. Ông Nguyễn Chí T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0018243 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Chí T với bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bình